

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 43

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 47 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Vũ Bảo Quốc	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	
Ông Adrian Teng	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Mai Phước Nghệ	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Bùi Kim Kha	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Chiew Sin Cheok	Thành viên	từ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban
Ông Đặng Công Trục	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc	
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Tài	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Phước Nghệ	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	bỏ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị;



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 8 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61005161/18592278/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 24 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 43 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**Building a better
working world**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		27.539.367.676	20.809.767.129
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	682.422.541	685.888.556
111	1. Tiền		679.422.541	685.888.556
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		453.782.758	454.062.758
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	300.322.358	300.322.358
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	153.460.400	153.740.400
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.225.140.413	6.022.668.283
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.786.704.435	1.664.310.530
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	9.400.836.265	1.265.441.146
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	10.144.848	10.779.848
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.040.723.339	3.095.523.862
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(15.958.589)	(15.958.589)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		2.690.115	2.571.486
140	IV. Hàng tồn kho	10	13.604.022.211	13.040.643.606
141	1. Hàng tồn kho		13.702.853.695	13.080.748.940
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(98.831.484)	(40.105.334)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		573.999.753	606.503.926
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	195.676.745	128.357.963
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	21	374.757.647	478.117.148
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	3.565.361	28.815
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.502.824.388	10.000.332.726
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		605.097.453	144.338.070
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	11	16.757.949	17.836.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	588.339.504	126.502.070
220	II. Tài sản cố định		7.394.721.616	6.382.356.974
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	3.773.571.567	3.572.858.457
222	Nguyên giá		6.242.131.212	5.716.356.916
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.468.559.645)	(2.143.498.459)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	3.621.150.049	2.809.498.517
228	Nguyên giá		3.709.374.842	2.881.230.261
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(88.224.793)	(71.731.744)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		801.543.321	600.020.273
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	801.543.321	600.020.273
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		3.001.919.598	2.056.883.251
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	16.1	2.967.719.729	2.022.683.382
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.2	62.500.369	62.500.369
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16.2	(28.300.500)	(28.300.500)
260	V. Tài sản dài hạn khác		699.542.400	816.734.158
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	509.615.006	573.947.834
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.3	9.668.391	42.302.052
269	3. Lợi thế thương mại	18	180.259.003	200.484.272
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		40.042.192.064	30.810.099.855

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngân VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		21.617.626.044	16.200.667.264
310	I. Nợ ngắn hạn		21.248.863.665	15.805.596.101
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	4.507.819.334	3.555.722.225
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	229.865.297	423.965.661
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	1.017.243.057	637.099.912
314	4. Phải trả người lao động		38.621.740	992.037
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	283.099.571	338.006.363
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		3.138.892	2.477.795
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	62.892.919	54.578.588
320	8. Vay ngắn hạn	24	14.994.947.294	10.691.512.845
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	25	110.031.146	99.946.174
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.204.415	1.294.501
330	II. Nợ dài hạn		368.762.379	395.071.163
331	1. Phải trả người bán dài hạn		40.721	137.937
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	5.612.000	5.612.000
338	3. Vay dài hạn	24	348.664.335	372.322.169
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		14.445.323	16.999.057
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		18.424.566.020	14.609.432.591
410	I. Vốn chủ sở hữu		18.424.566.020	14.609.432.591
411	1. Vốn cổ phần	26.1	4.145.000.000	3.845.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		4.145.000.000	3.845.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	26.1	2.998.618.837	1.948.618.837
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	26.1	3.315.000	3.315.000
415	4. Cổ phiếu quỹ	26.1	(6.840.000)	(6.840.000)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	26.1	(93.133)	(3.116.081)
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26.1	11.181.135.438	8.741.745.802
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		7.498.785.802	1.703.858.575
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		3.682.349.636	7.037.887.227
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		103.429.878	80.709.033
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		40.042.192.064	30.810.099.855

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 24 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	26.999.899.956	17.850.010.171
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(568.079)	(45.068.925)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	26.999.331.877	17.804.941.246
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28, 32	(21.141.532.206)	(13.502.972.931)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.857.799.671	4.301.968.315
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	171.988.140	99.390.554
22	7. Chi phí tài chính	30	(737.786.545)	(280.043.267)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	30	(241.033.281)	(99.885.748)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		36.347	-
25	9. Chi phí bán hàng	29, 32	(813.740.302)	(529.196.469)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29, 32	(505.075.843)	(316.887.013)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.973.221.468	3.275.232.120
31	12. Thu nhập khác	31	74.783.726	37.719.279
32	13. Chi phí khác	31	(98.239.454)	(14.008.666)
40	14. (Lỗ) lợi nhuận khác	31	(23.455.728)	23.710.613
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.949.765.740	3.298.942.733
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.2	(207.569.247)	(109.624.906)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33.3	(32.633.661)	(21.827.657)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.709.562.832	3.167.490.170
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		3.682.349.636	3.149.615.267
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		27.213.196	17.874.903
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	26.5	9.180	8.609
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	26.5	9.180	8.609

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 24 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		3.949.765.740	3.298.942.733
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12, 13, 18	377.239.122	281.857.908
03	Các khoản dự phòng		66.257.388	3.870.116
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		311.543.610	13.987.513
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		14.223.729	(4.885.825)
06	Chi phí lãi vay	30	241.033.281	99.885.748
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.960.062.870	3.693.658.193
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		1.682.239.985	(2.321.134.060)
10	Tăng hàng tồn kho		(622.104.755)	(2.265.154.627)
11	Tăng các khoản phải trả		980.408.205	1.489.158.805
12	Giảm chi phí trả trước		11.822.933	84.240.177
14	Tiền lãi vay đã trả		(241.505.744)	(101.268.719)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	33.2	(191.325.610)	(78.339.567)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(90.086)	(1.154.608)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.579.507.798	500.005.594
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.725.106.245)	(812.412.042)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		2.586.686	43.868
23	Tiền chi tiền gửi ngân hàng và cho các đơn vị khác vay		(1.540.160)	-
24	Tiền thu hồi khoản cho vay		3.533.211	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(9.069.144.000)	-
27	Lãi tiền gửi và cho vay nhận được		1.857.194	4.499.671
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(10.787.813.314)	(807.868.503)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		1.350.000.000	1.024.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		22.073.093.981	12.228.561.149
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(17.976.017.365)	(11.308.030.783)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(1.243.285.353)	(1.156.605.593)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.203.791.263	787.924.773
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(4.514.253)	480.061.864
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		685.888.556	491.483.328
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.048.238	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	682.422.541	971.545.192

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 24 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch, và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 47 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 15.371 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 13.694).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 44 công ty con như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
1. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
2. Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải - KIA	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
3. Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp	Đang hoạt động	100
4. Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Cung cấp vật tư, thiết bị	Đang hoạt động	100
5. Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100
6. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất và Lắp ráp Ô tô khách Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
7. Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chu Lai - Trường Hải	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100
8. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải - Bình Dương	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
9. Công ty TNHH Một thành viên Vận tải - Giao nhận - Phân phối Ô tô Chu Lai Trường Hải	Phân phối ô tô	Đang hoạt động	100
10. Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Vina - Mazda	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
11. Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100
12. Công ty TNHH Công nghệ Ô tô Soo Sung	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	75

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
13. Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Biển Chu Lai - Trường Hải	Dịch vụ vận tải biển	Đang hoạt động	100
14. Công ty TNHH Một thành viên Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất thép	Đang hoạt động	100
15. Công ty TNHH Một thành viên Phân phối Xe Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
16. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100
17. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải Nghệ An	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
18. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Linh kiện Nhựa Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100
19. Trường Cao đẳng Nghề Chu Lai - Trường Hải	Đào tạo	Đang hoạt động	100
20. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sản xuất Diệu Bằng	Thương mại	Đang hoạt động	100
21. Công ty TNHH Một thành viên Phụ tùng Trường Hải	Mua bán phụ tùng ô tô	Ngưng hoạt động	100
22. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100
23. Công ty TNHH Thái Nguyên Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
24. Công ty TNHH Một thành viên Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Sản xuất cơ điện	Đang hoạt động	100
25. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải - Hà Nam	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
26. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kính Ô tô Chu Lai Trường Hải	Sản xuất kính	Đang hoạt động	100
27. Công Ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Vận tải - Giao nhận - Phân phối	Đang hoạt động	100
28. Công Ty TNHH Một thành viên Huế Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
29. Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Ô tô	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	51
30. Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Điện lạnh Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100
31. Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Xây dựng	Đang hoạt động	100
32. Công ty TNHH Vũng Tàu Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	51

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
33. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải - Vĩnh Phúc	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
34. Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Điện Ô tô	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	51
35. Công ty TNHH Một thành viên Hóa chất Chuyên dụng Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất keo dính	Đang hoạt động	100
36. Công ty TNHH Một thành viên Bắc Ninh Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
37. Công ty TNHH Một thành viên sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100
38. Công ty TNHH Một thành viên Truyền thông Đa phương tiện Trường Hải	Quảng cáo	Đang hoạt động	100
39. Công ty TNHH Một thành viên Trường Phú	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
40. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Sợi RơMoóc và Xe chuyên dụng Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100
41. Công ty TNHH Trường Hải - Quảng Bình	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	100
42. Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh Kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Trước hoạt động	100
43. Công ty TNHH Sản xuất Khuôn Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Trước hoạt động	100
44. Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Xe tải Thaco	Sản xuất ô tô	Trước hoạt động	100

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng ngân đồng Việt Nam ("ngàn VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Tập đoàn là kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh đối với xe và bộ linh kiện (CKD) và theo phương pháp bình quân gia quyền đối với phụ tùng.
Phụ tùng, linh kiện và công cụ, dụng cụ	- chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Tập đoàn nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu trừ theo số năm phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi quyền sử dụng đất lâu dài sẽ không được khấu trừ.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà máy sản xuất và lắp ráp, phòng trưng bày và trung tâm thương mại xe của Tập đoàn mà các công trình này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các khoản dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp hàng hóa và dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Thu nhập cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngân VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	22.333.180	17.591.655
Tiền gửi ngân hàng	654.688.361	668.296.901
Tiền đang chuyển	2.401.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000	-
TỔNG CỘNG	682.422.541	685.888.556

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngân VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư ủy thác vào cổ phiếu	300.322.358	300.322.358	300.322.358	300.322.358

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngân VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền gửi bảo lãnh thanh toán	153.460.400	153.740.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Các bên khác	1.783.422.853	1.657.688.169
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 34</i>)	3.281.582	6.622.361
TỔNG CỘNG	1.786.704.435	1.664.310.530
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10.893.741)	(10.893.741)
GIÁ TRỊ THUẬN	1.775.810.694	1.653.416.789

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước mua cổ phần	8.356.144.000	232.000.000
Trả trước mua quyền sử dụng đất	783.747.231	823.983.913
Trả trước mua hàng hóa	260.945.034	209.457.233
TỔNG CỘNG	9.400.836.265	1.265.441.146
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước mua cổ phần cho cổ đông cá nhân</i>	8.124.144.000	-
<i>Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Hà Nội</i>	170.000.000	170.000.000
<i>Các bên khác</i>	1.106.692.265	1.095.441.146

8. PHẢI THU VÉ CHO VAY NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ông Yuhn Young Lae	5.080.000	5.715.000
Bà Võ Thị Mượt	2.584.444	2.584.444
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Tùng	2.480.404	2.480.404
TỔNG CỘNG	10.144.848	10.779.848
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.064.848)	(5.064.848)
GIÁ TRỊ THUẬN	5.080.000	5.715.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

9. PHẢI THU KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Tạm ứng (i)	938.216.426	2.934.403.113
Thuế nhập khẩu	37.244.962	24.730.833
Chi trả hộ	24.012.556	24.012.556
Kỳ quỹ mở thư tín dụng	17.034.713	23.571.729
Ứng vốn	-	62.140.500
Khác	24.214.682	26.665.131
	<u>1.040.723.339</u>	<u>3.095.523.862</u>
Dài hạn		
Ứng tiền xây dựng văn phòng (ii)	584.786.313	123.138.104
Khác	3.553.191	3.363.966
	<u>588.339.504</u>	<u>126.502.070</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.629.062.843</u>	<u>3.222.025.932</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	<i>1.044.078.193</i>	<i>3.098.776.219</i>
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	<i>584.984.650</i>	<i>123.249.713</i>

- (i) Đây chủ yếu là các khoản tạm ứng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
- (ii) Đây là khoản ứng trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh để xây dựng Khu cao ốc văn phòng, thương mại, dịch vụ Thaco theo Hợp đồng số 0717/2015/HĐHT-ĐQM-THACO ngày 1 tháng 7 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	4.214.840.851	(24.249.016)	3.914.197.201	-
Hàng hóa	3.670.169.995	(41.145.711)	3.660.681.706	(37.107.112)
Hàng mua đang đi trên đường	2.385.003.916	-	2.852.147.356	-
Nguyên vật liệu	3.238.513.648	(33.436.757)	2.487.055.818	(2.998.222)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	159.274.646	-	154.715.928	-
Công cụ, dụng cụ	35.050.639	-	11.950.931	-
TỔNG CỘNG	13.702.853.695	(98.831.484)	13.080.748.940	(40.105.334)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	(40.105.334)	(35.252.556)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	(65.747.459)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	7.021.309	10.038.510
Số cuối kỳ	<u>(98.831.484)</u>	<u>(25.214.046)</u>

11. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Cho bên khác vay	<u>16.757.949</u>	<u>17.836.000</u>

Chi tiết khoản cho bên khác vay như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	Ngàn VND			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ô tô Hoàng Gia	<u>16.757.949</u>	5 năm từ ngày 31 tháng 12 năm 2014	Lãi suất thỏa thuận	Tin chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Ngân VND
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.512.620.774	2.590.224.490	494.494.364	82.402.258	36.615.030	5.716.356.916
Đầu tư XDCB hoàn thành	147.528.069	124.564.156	41.337.380	3.892.654	3.124.173	320.446.432
Mua mới trong kỳ	47.119.537	186.056.657	14.985.087	4.331.574	1.288.286	253.781.141
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.230.523	196.639	41.904	18.957	-	1.488.023
Phân loại sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(25.386.663)	-	-	-	(25.386.663)
Xóa sổ	(12.428.250)	-	-	-	-	(12.428.250)
Thanh lý	(2.502.316)	(8.400.795)	(1.048.227)	(61.979)	(113.070)	(12.126.387)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	2.693.568.337	2.867.254.484	549.810.508	90.583.464	40.914.419	6.242.131.212
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	80.449.269	233.352.541	43.624.329	22.009.511	3.334.753	382.770.403
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	619.140.194	1.255.641.154	212.874.970	40.488.824	15.353.317	2.143.498.459
Khấu hao trong kỳ	95.326.199	203.961.112	29.410.702	8.544.524	3.540.589	340.783.126
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	144.206	145.122	39.420	17.143	-	345.891
Phân loại sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(10.577.776)	-	-	-	(10.577.776)
Thanh lý	(625.493)	(4.098.939)	(636.227)	(61.979)	(67.417)	(5.490.055)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	713.985.106	1.445.070.673	241.688.865	48.988.512	18.826.489	2.468.559.645
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.893.480.580	1.334.583.336	281.619.394	41.913.434	21.261.713	3.572.858.457
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.979.583.231	1.422.183.811	308.121.643	41.594.952	22.087.930	3.773.571.567

Như được trình bày ở Thuyết minh số 24, Tập đoàn đã sử dụng một số tài sản có định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Tài sản khác	Tổng cộng
						Ngàn VND
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.064.769.168	772.938.180	15.252.350	421.178	27.849.385	2.881.230.261
Mua mới trong kỳ	565.591.870	254.286.927	8.169.024	-	-	828.047.821
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	126.660	-	-	126.660
Khác	-	-	(29.900)	-	-	(29.900)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	2.630.361.038	1.027.225.107	23.518.134	421.178	27.849.385	3.709.374.842
Trong đó:						
Đã hao mòn hết	-	-	5.156.408	421.178	-	5.577.586
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	39.327.946	12.171.898	421.178	19.810.722	71.731.744
Hao mòn trong kỳ	-	11.509.643	2.312.216	-	2.408.868	16.230.727
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	2.067	-	290.155	292.222
Khác	-	-	(29.900)	-	-	(29.900)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	50.837.589	14.456.281	421.178	22.509.745	88.224.793
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.064.769.168	733.610.234	3.080.452	-	8.038.663	2.809.498.517
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	2.630.361.038	976.387.518	9.061.853	-	5.339.640	3.621.150.049

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

14. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 2.525.735 ngàn VND (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 6.546.197 ngàn VND). Đây là chi phí đi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Hệ thống phòng trưng bày xe ô tô	442.427.648	379.809.434
Dự án Khu Công nghiệp Cơ khí Ô tô Chu Lai - Trường Hải	100.777.131	80.013.606
Trung tâm thương mại xe	86.164.720	31.388.507
Công trình Cảng Tam Hiệp	76.930.488	76.930.488
Mua máy móc và thiết bị	76.374.517	11.887.306
Khác	18.868.817	19.990.932
TỔNG CỘNG	801.543.321	600.020.273

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 16.1</i>)	2.967.719.729	2.022.683.382
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 16.2</i>)	62.500.369	62.500.369
TỔNG CỘNG	3.030.220.098	2.085.183.751
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(28.300.500)	(28.300.500)
GIÁ TRỊ THUẬN	3.001.919.598	2.056.883.251

16.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	50	2.982.013.125	45	2.037.013.125
Công ty TNHH Ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	50	4.500.000	50	4.500.000
Công ty TNHH Thương mại Vô xe Triều Hải	30	2.655.347	30	2.655.347
TỔNG CỘNG		2.989.168.472		2.044.168.472

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	<i>Ngàn VND</i> <i>Số tiền</i>
Giá trị đầu tư:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.044.168.472
Tăng trong kỳ	945.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	2.989.168.472
Phần lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(21.485.090)
Phần lãi từ công ty liên kết	36.347
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	(21.448.743)
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.022.683.382
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	2.967.719.729

16.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Số cổ phần</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>Giá gốc</i>
	<i>Ngàn VND</i>		<i>Ngàn VND</i>	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)	3.420.000	62.500.369	3.420.000	62.500.369
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(28.300.500)		(28.300.500)
GIÁ TRỊ THUẬN		34.199.869		34.199.869

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	94.937.843	71.297.760
Công cụ và thiết bị đang dùng	55.975.469	38.625.604
Chi phí bảo trì và sửa chữa	27.705.891	6.402.347
Chi phí quảng cáo	5.311.828	1.352.205
Chi phí lãi trả góp	835.174	1.772.106
Khác	10.910.540	8.907.941
	<u>195.676.745</u>	<u>128.357.963</u>
Dài hạn		
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	158.961.079	264.232.112
Công cụ, dụng cụ đang dùng	144.718.596	103.951.275
Tiền thuê nhà máy, văn phòng và mặt bằng	92.084.431	93.280.968
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa	56.974.867	54.594.937
Chi phí đền bù	38.925.721	40.395.308
Khác	17.950.312	17.493.234
	<u>509.615.006</u>	<u>573.947.834</u>
TỔNG CỘNG	<u>705.291.751</u>	<u>702.305.797</u>

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Số tiền</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>404.368.071</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	203.883.799
Hao mòn trong kỳ	<u>20.225.269</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>224.109.068</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>200.484.272</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>180.259.003</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Kia Mortor Corporation (*)	504.959.783	718.499.253
Huyndai Corporation	218.010.970	483.287.482
Mazda Mortor Corporation (*)	849.812.625	399.606.933
Các bên khác	2.935.035.956	1.954.328.557
TỔNG CỘNG	4.507.819.334	3.555.722.225

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng tồn kho và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam, Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation và Ngân hàng BNP Paribas Việt Nam.

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Các bên khác	229.186.634	423.965.661
Bên liên quan (<i>Thuyết minh 34</i>)	678.663	-
TỔNG CỘNG	229.865.297	423.965.661

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngân VND</i>			
	<i>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>
Thuế tiêu thụ đặc biệt	277.496.539	3.831.274.955	(3.350.589.985)	758.181.509
Thuế giá trị gia tăng	(207.495.112)	2.544.200.152	(2.557.484.629)	(220.779.589)
Thuế xuất nhập khẩu	2.836.844	1.790.581.682	(1.794.573.001)	(1.154.475)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 33.2</i>)	82.947.085	207.569.247	(191.325.610)	99.190.722
Khác	3.168.593	166.955.558	(166.642.269)	3.481.882
TỔNG CỘNG	158.953.949	8.540.581.594	(8.060.615.494)	638.920.049
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu</i>	478.145.963			378.323.008
<i>Phải trả</i>	637.099.912			1.017.243.057

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngân VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Lương tháng 13 và lương năng suất	156.579.096	241.686.901
Mua nguyên vật liệu	35.060.469	35.806.384
Lãi vay	29.118.093	27.064.821
Chi phí quảng cáo	26.585.797	9.164.157
Thuế	6.290.508	5.111.002
Chi phí vận chuyển	5.752.128	2.367.917
Tiền thuê đất và thuê kho	4.655.031	8.005.165
Khác	19.058.449	8.800.016
TỔNG CỘNG	283.099.571	338.006.363

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngân VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	16.597.349	13.013.020
Phải trả liên quan đến dự án khoa học và công nghệ	4.818.930	3.079.839
Thu hộ	4.811.461	4.208.530
Cổ tức phải trả	2.222.455	2.547.808
Tài sản thừa chờ xử lý	867.697	806.042
Khác	33.575.027	30.923.349
	<u>62.892.919</u>	<u>54.578.588</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ dài hạn	5.612.000	5.612.000
TỔNG CỘNG	68.504.919	60.190.588
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh 34)</i>	10.728	10.728
<i>Các bên khác</i>	68.494.191	60.179.860

24. VAY

	Ngân VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn	14.994.947.294	10.691.512.845
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 24.1)	14.900.678.842	10.591.246.393
Vay từ bên khác (Thuyết minh số 24.2)	3.914.784	11.602.784
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24.3)	90.353.668	88.663.668
Dài hạn	348.664.335	372.322.169
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 24.3)	348.374.605	372.032.439
Vay từ bên khác	289.730	289.730
TỔNG CỘNG	15.343.611.629	11.063.835.014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

24. VAY (tiếp theo)

24.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Tập đoàn vay các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Chi tiết như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i> <i>Ngân VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	4.087.270.124	6 - 9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Một phần tín chấp và được thế chấp bằng tài sản cố định
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	2.388.399.337	3 - 6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	1.238.493.300	150 ngày kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	1.205.052.799	4 - 9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên Mizuho (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	954.684.926	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	931.361.309	7 tháng cho từng lần nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Quảng Nam	829.828.599	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	629.763.010	6 - 9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	598.273.019	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng BNP Paribas Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	567.915.276	6 tháng kể từ ngày nhận nợ	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	480.529.977	3 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered Việt Nam	276.808.916	180 ngày kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

24. VAY (tiếp theo)

24.1 Vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	<i>Ngân VND</i>			
Ngân hàng Fubon Đài Loan - Chi nhánh Hồ Chí Minh	201.336.126	180 ngày kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	176.243.291	3 - 6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tin chấp
Shinhan Bank Korea	158.757.133	1 năm kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	119.557.980	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tin chấp
JPMorgan Chase, N.A., - Chi nhánh Singapore	54.688.320	9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tin chấp
Korea Trade Insurance Corporation	1.715.400	1 năm kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tin chấp
TỔNG CỘNG	<u>14.900.678.842</u>			

24.2 Vay ngắn hạn từ bên khác

Chi tiết vay ngắn hạn tín chấp từ bên khác như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Lãi suất</i>
	<i>Ngân VND</i>			
Cá nhân	<u>3.914.784</u>	1 năm kể từ ngày nhận nợ vay	Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Không lãi suất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Vay ngân hàng dài hạn

	Ngân VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Vay dài hạn từ ngân hàng	<u>438.728.273</u>	<u>460.696.107</u>
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả	90.353.668	88.663.668
Vay dài hạn	348.374.605	372.032.439

Tập đoàn vay các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ cho dự án xây dựng khu công nghiệp và bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 Ngân VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	292.229.636	72 - 120 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	75.553.668			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	114.134.637	60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tài sản cố định hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	10.800.000			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Huế	22.364.000	60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	-			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh	10.000.000	48 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tài sản cố định hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>4.000.000</u>			
TỔNG CỘNG	<u>438.728.273</u>			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	90.353.668			
Vay dài hạn	348.374.605			

25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đây là khoản dự phòng chi phí bảo hành và bảo dưỡng cho xe ô tô đã bán.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
							Ngân VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	3.525.000.000	1.244.618.837	-	(6.840.000)	(1.479.817)	3.629.528.657	8.390.827.677
Tăng vốn trong kỳ	320.000.000	704.000.000	-	-	-	-	1.024.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	3.149.615.267	3.149.615.267
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(1.152.960.000)	(1.152.960.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	528.741	-	528.741
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	3.845.000.000	1.948.618.837	-	(6.840.000)	(951.076)	5.626.183.924	11.412.011.685
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	3.845.000.000	1.948.618.837	3.315.000	(6.840.000)	(3.116.081)	8.741.745.802	14.528.723.558
Tăng vốn trong kỳ (*)	300.000.000	1.050.000.000	-	-	-	-	1.350.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	3.682.349.636	3.682.349.636
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(1.242.960.000)	(1.242.960.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	3.022.948	-	3.022.948
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	4.145.000.000	2.998.618.837	3.315.000	(6.840.000)	(93.133)	11.181.135.438	18.321.136.142

(*) Vào ngày 21 tháng 3 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 30.000.000 cổ phiếu phổ thông mới cho nhà đầu tư chiến lược theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ/THACO ngày 24 tháng 4 năm 2015 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2016/NQ-HĐQT/THACO ngày 21 tháng 2 năm 2016. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 3.845.000.000 ngàn VND lên 4.145.000.000 ngàn VND và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai phê duyệt theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 29 tháng 3 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.2 Vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%
Cổ đông tổ chức	357.125.488	3.571.254.880	86,16	327.109.208	3.271.092.080	85,07
Cổ đông cá nhân	57.194.512	571.945.120	13,80	57.210.792	572.107.920	14,88
Cổ phiếu quỹ	180.000	1.800.000	0,04	180.000	1.800.000	0,05
TỔNG CỘNG	414.500.000	4.145.000.000	100	384.500.000	3.845.000.000	100

26.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu kỳ	3.845.000.000	3.525.000.000
Tăng vốn trong kỳ	300.000.000	320.000.000
Số cuối kỳ	<u>4.145.000.000</u>	<u>3.845.000.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	1.242.960.000	1.152.960.000
Cổ tức đã trả	1.243.285.353	1.156.605.593

26.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Cổ phiếu đã được duyệt	414.500.000	384.500.000
Cổ phiếu đã đã phát hành và góp vốn đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	414.500.000 414.500.000	384.500.000 384.500.000
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(180.000) (180.000)	(180.000) (180.000)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	414.320.000 414.320.000	384.320.000 384.320.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.5 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (ngàn VND) (*)	3.682.349.636	3.149.615.267
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	<u>401.133.187</u>	<u>365.831.111</u>
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	9.180	8.609

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm nào vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của kỳ do Tập đoàn chưa có kế hoạch trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho kỳ hiện tại.

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		<i>Ngàn VND</i>
Doanh thu gộp	26.999.899.956	17.850.010.171
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xe</i>	26.176.012.660	17.314.387.465
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	595.255.822	360.164.663
<i>Doanh thu bán phụ tùng</i>	215.188.311	171.715.314
<i>Khác</i>	13.443.163	3.742.729
Các khoản giảm trừ	(568.079)	(45.068.925)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(568.079)	(45.051.715)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	-	(17.210)
Doanh thu thuần	<u>26.999.331.877</u>	<u>17.804.941.246</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xe</i>	26.175.444.581	17.269.335.750
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	595.255.822	360.164.663
<i>Doanh thu bán phụ tùng</i>	215.188.311	171.698.104
<i>Khác</i>	13.443.163	3.742.729

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

27. DOANH THU (tiếp theo)

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		<i>Ngàn VND</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	157.867.207	92.714.409
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.857.194	4.499.671
Lãi cho vay	360.626	959.108
Khác	11.903.113	1.217.366
TỔNG CỘNG	171.988.140	99.390.554

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		<i>Ngàn VND</i>
Giá vốn của xe	20.697.991.850	13.149.077.486
Giá vốn dịch vụ cung cấp	319.848.080	259.023.512
Giá vốn của phụ tùng	118.416.001	92.577.585
Khác	5.276.275	2.294.348
TỔNG CỘNG	21.141.532.206	13.502.972.931

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		<i>Ngàn VND</i>
Chi phí bán hàng	813.740.302	529.196.469
Chi phí lương	217.058.390	86.600.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	214.446.751	158.971.279
Chi phí giao xe	137.274.412	89.920.831
Phí hỗ trợ kĩ thuật	114.739.760	117.211.728
Chi phí bảo hành	68.114.053	37.957.619
Chi phí khấu hao	35.132.078	24.101.373
Khác	26.974.858	14.432.777
Chi phí quản lý doanh nghiệp	505.075.843	316.887.013
Chi phí lương	280.031.328	157.412.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.582.103	88.537.851
Chi phí khấu hao và hao mòn	40.833.210	41.381.904
Khác	51.629.202	29.554.891
TỔNG CỘNG	1.318.816.145	846.083.482

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá	486.828.556	159.299.710
Lãi vay	241.033.281	99.885.748
Khác	9.924.708	20.857.809
TỔNG CỘNG	737.786.545	280.043.267

31. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thu nhập khác	74.783.726	37.719.279
Thu nhập từ dịch vụ đăng ký xe ô tô	31.655.076	15.126.190
Thuế được hoàn	13.746.494	-
Thu nhập bán công cụ và thiết bị	11.668.973	5.859.164
Cho thuê mặt bằng và văn phòng	2.239.778	1.031.404
Tiền bồi thường bảo hiểm	142.526	348.999
Khác	15.330.879	15.353.522
Chi phí khác	(98.239.454)	(14.008.666)
Tạm ứng nộp thuế theo Quyết định số 104/QĐ-CT	(63.491.884)	-
Lỗ từ thanh lý tài sản	(16.477.896)	(572.954)
Giá vốn công cụ và thiết bị bán	(4.325.688)	(2.655.224)
Chi phí dịch vụ đăng ký xe ô tô	(3.579.711)	(1.201.828)
Giá vốn mặt bằng và văn phòng cho thuê	(1.231.827)	(616.276)
Khác	(9.132.448)	(8.962.384)
GIÁ TRỊ THUẬN	(23.455.728)	23.710.613

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí hàng hóa và phụ tùng	19.695.624.648	12.368.469.465
Chi phí nhân công	1.094.253.965	525.640.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.064.309.459	602.152.679
Khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12, 13 và 18)	377.239.122	281.857.908
Khác	228.921.157	570.935.754
TỔNG CỘNG	22.460.348.351	14.349.056.413

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 22%).

Tuy nhiên, phần lớn các công ty con của Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN tùy thuộc vào loại hình hoạt động kinh doanh và địa điểm hoạt động của các công ty con. Thuế suất thuế TNDN ưu đãi dao động từ 10% đến 20% và được miễn và/hoặc giảm thuế TNDN cho một số năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	172.526.614	109.891.091
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) kỳ trước	35.042.633	(266.185)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	32.633.661	21.827.657
TỔNG CỘNG	<u>240.202.908</u>	<u>131.452.563</u>

33.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của công ty mẹ và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của công ty mẹ và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế ước tính:

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.949.765.740	3.298.942.733
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện	(306.926.179)	101.999.120
Chi phí không được khấu trừ	129.614.099	1.254.603
Lợi thế thương mại phân bổ	20.225.269	20.213.826
Thay đổi dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.880.694	34.452.286
Lỗ của các công ty con	15.848.986	9.890.829
Lãi của công ty liên kết	(36.347)	-
Thay đổi chi phí phải trả	-	(903.932)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ kỳ trước	3.811.372.262	3.465.849.465
Lỗ kỳ trước chuyển sang	-	(228.141.594)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	3.811.372.262	3.237.707.871
Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	764.085.808	329.811.953
Thuế TNDN được miễn/giảm	(591.559.194)	(219.920.862)
Thuế TNDN ước tính sau khi miễn giảm	172.526.614	109.891.091
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) các kỳ trước	35.042.633	(266.185)
Chi phí thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	207.569.247	109.624.906
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	82.947.085	25.995.173
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(191.325.610)	(98.339.567)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	99.190.722	37.280.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.3 Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận chưa thực hiện	14.267.852	47.477.652	(33.209.800)	22.295.428
Dự phòng khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.660.100	5.660.100	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.161.338	1.161.338	-	-
Lỗi tính thuế	-	-	-	(47.138.076)
Dự phòng đầu tư vào các công ty con	(11.420.899)	(11.997.038)	576.139	3.014.991
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	9.668.391	42.302.052		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(32.633.661)	(21.827.657)

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Ngân VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hoàng Cường	Cổ đồng	Góp vốn	1.350.000.000	1.024.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty liên kết	Ứng tiền xây dựng văn phòng Sử dụng dịch vụ Mua hàng hóa	461.648.209 3.927.329 2.686.364	- 5.757.481 -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH Ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	2.986.481	2.986.481
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	295.101	3.635.880
			3.281.582	6.622.361
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty liên kết	Trả hộ	154.063	67.235
Công ty TNHH Ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	Công ty liên kết	Trả hộ	44.274	44.374
			198.337	111.609
Phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty liên kết	Ứng tiền xây dựng văn phòng	584.786.313	123.138.104
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	678.663	-
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty liên kết	Trả hộ	10.728	10.728
Các giao dịch với các bên liên quan khác				
<i>Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc</i>				
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lương và thù lao			13.008.032	10.583.816

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

35. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê một số văn phòng, phòng trưng bày, mặt bằng và đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngân VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Dưới 1 năm	17.024.347	21.432.091
Từ 1 đến 5 năm	52.263.817	21.831.967
Trên 5 năm	263.023.190	170.467.112
TỔNG CỘNG	332.311.354	213.731.170

Các cam kết về góp vốn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các cam kết góp vốn vào các công ty con với tổng giá trị là 503.445.128 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 204.321.894 ngàn VND).

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có các cam kết trị giá 40.053.638 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 121.494.120 ngàn VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng và phát triển các phòng trưng bày và trung tâm thương mại xe.

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN


Hoạt động chính hiện nay của Tập đoàn chủ yếu là sản xuất, lắp ráp và bán xe ô tô và phụ tùng các loại xe; và dịch vụ sửa chữa và bảo trì. Đồng thời, các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là sản xuất và lắp ráp xe ô tô và khu vực địa lý là Việt Nam và theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

37. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Đỗ Thị Liên Chi
Người lập



Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 24 tháng 8 năm 2016